

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2023/DS-ST

Ngày: 28 - 7 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nhiêu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn

Bà Đoàn Thị Bầy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 211/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Thành S; Sinh năm 1962; Địa chỉ: Khóm 5, phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp nguyên đơn: Ông Thái Huyền Trân, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 338/5A, Quang Trung, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn: Ông Hà Văn T; Sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 374, đường L, khóm 5, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Phan Thị L, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 374, đường L, khóm 5, phường C, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964. Địa chỉ: Khóm 5, phường T, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Phạm Thành S trình bày:

Vào ngày 25/6/2022 vợ chồng ông Hà Văn T, bà Phan Thị L có vay của vợ chồng ông số tiền là 250.000.000đồng. Đến ngày 30/6/2022 ông T đã thanh toán được số tiền 150.000.000đồng, ông T hứa trong vòng 03 tháng sẽ thanh toán xong

số tiền còn lại nhưng từ thời điểm đó đến nay ông T chưa trả tiền cho ông. Ông đã nhiều lần liên hệ nhưng ông T chỉ hứa mà không thực hiện. Do vay thời gian ngắn nên các bên không thỏa thuận lãi suất và vợ chồng ông T cũng chưa thanh toán khoản tiền lãi nào cho vợ chồng ông. Nay ông S yêu cầu vợ chồng ông T, bà L thanh toán tổng số tiền vay vốn, lãi còn nợ là 115.105.999 đồng (trong đó nợ gốc là 100.000.000đồng, lãi tính từ ngày 01/10/2022 đến ngày 02/6/2023 mức lãi 1.66%/tháng bằng số tiền là 15.105.999đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu đối với tiền lãi, ông S chỉ yêu cầu ông T, bà L thanh toán tiền lãi tính từ ngày 01/10/2022 đến ngày xét xử (làm tròn 9 tháng) với mức lãi suất 10%/năm (tức 0.83%/tháng) bằng số tiền là 7.470.000đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 107.470.000đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Hà Văn T trình bày:

Vào khoảng tháng 7/2019, vợ chồng ông (vợ ông là bà Phan Thị L) có vay của vợ chồng ông S tổng số tiền là 150.000.000đồng, trong đó lần thứ nhất vay 140.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng; lần thứ hai vay số tiền 10.000.000đồng thì lãi suất là 30%/tháng, thời gian vay từng lần thì ông không nhớ rõ nhưng cùng trong tháng 7/2019. Mục đích vay là bổ sung vốn kinh doanh do ông là thầu xây dựng. Khi vay không có viết biên nhận. Tổng số tiền lãi đóng hàng tháng khoảng 25.000.000đồng, quá trình vay vợ chồng ông đóng lãi liên tục, đầy đủ từ tháng 7/2019 cho đến ngày 01/7/2022 thì ông không còn khả năng nên ngưng trả lãi cho đến nay. Tại thời điểm tháng 6/2022 thì vợ chồng ông đã trả dứt điểm số tiền nợ vốn là 150.000.000đồng, đối với phần tiền lãi thì ông có viết biên nhận cho ông S và hẹn 03 tháng sau sẽ thanh toán dứt điểm số tiền 100.000.000đồng (biên nhận này ông S đang giữ và cũng là biên nhận ông S cung cấp cho Tòa án). Từ khi viết biên nhận nợ cho đến nay thì vợ chồng ông có thanh toán thêm, đưa trực tiếp cho bà X (vợ ông S) số tiền là 53.000.000đồng, do quen biết nên vợ chồng ông chỉ đưa tiền mà không yêu cầu viết biên nhận.

Nay vợ chồng ông xác định chỉ còn nợ và đồng ý thanh toán cho vợ chồng ông S số tiền là 47.000.000đồng nhưng xin được trả dần hàng tháng cho đến khi xong khoản nợ.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị L trình bày:

Bà thống nhất với trình bày và ý kiến của ông T. Bà là người trực tiếp nhận tiền từ vợ chồng ông S số tiền vay là 150.000.000đồng. Quá trình vay, trả lãi, trả vốn như phía ông T đã trình bày là đúng. Nay vợ chồng bà thừa nhận có nợ và chỉ đồng ý thanh toán số tiền còn nợ vốn là 47.000.000đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị X trình bày:

Vào năm 2022, vợ chồng bà có cho vợ chồng ông T, bà L vay số tiền 250.000.000đồng. Bà là người trực tiếp đưa tiền cho vợ chồng ông T. Từ khi vay

đến ngày 30/6/2022, vợ chồng ông T có trả được vốn là 150.000.000đồng, còn nợ lại số tiền là 100.000.000đồng, ông T có viết biên nhận nợ số tiền trên. Từ khi viết biên nhận đến nay vợ chồng ông T không thanh toán thêm khoản tiền vốn và lãi nào. Việc vợ chồng ông T trình bày có trả đưa trực tiếp cho bà số tiền là 53.000.000đồng là không đúng, bà không nhận khoản tiền trả nào từ vợ chồng ông T. Nay bà thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông S, yêu cầu vợ chồng ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền vốn, lãi là 107.470.000đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa:
Kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bị đơn là ông Hà Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị L đã được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T, bà L theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn vay và lãi suất phát sinh. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vốn vay: Trên cơ sở lời trình bày các bên và tài liệu kèm theo hồ sơ nhận thấy, thực tế bị đơn thừa nhận có nợ và viết biên nhận cho nguyên đơn đối với số tiền 100.000.000đồng. Tuy nhiên, bị đơn xác định đây là tiền nợ lãi, đồng thời trong số nợ này bị đơn đã thanh toán được số tiền là 53.000.000đồng, hiện chỉ còn nợ và đồng ý thanh toán số tiền là 47.000.000đồng. Đối với vợ chồng ông S, bà X xác định đây là tiền nợ vốn và không thừa nhận việc bị đơn có thanh toán số tiền 53.000.000đồng. Như vậy, ngoài lời trình bày thì bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền nợ là nợ lãi và tài liệu chứng minh đã thanh toán số tiền 53.000.000đồng cho nguyên đơn. Trong khi biên nhận nợ đề ngày 25/6/2022 bị đơn thừa nhận do bị đơn viết, nội dung thể hiện còn nợ số tiền 100.000.000đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng ông T, bà L thanh toán số tiền vốn vay còn nợ là 100.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về yêu cầu lãi suất chậm thanh toán:

Nguyên đơn xác định khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất và từ khi viết biên nhận nợ đến nay bị đơn chưa thanh toán được khoản tiền lãi nào. Đối với bị đơn xác định quá trình vay có thỏa thuận lãi suất cụ thể với khoản vay 140.000.000đồng là 15%/tháng và khoản vay 10.000.000đồng thì lãi suất là 30%/tháng và có thanh toán lãi liên tục, đầy đủ nhưng bị đơn không nhớ rõ thời gian vay và số tiền lãi đã thanh toán. Ngoài lời trình bày thì bị đơn cũng không cung cấp được tài liệu, chứng minh cho việc thanh toán lãi trên.

Do các bên trình bày không nhất nhau về lãi suất cho vay và tại biên nhận nợ ngày 25/6/2022 không thể hiện việc các bên có thỏa thuận lãi suất nên nguyên đơn

yêu cầu tính mức lãi suất 10%/năm (0.83%/tháng) là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về thời gian bắt đầu tính lãi: Tại biên nhận nợ đề ngày 25/6/2022 thể hiện bị đơn hẹn sẽ thanh toán tiền nợ sau 03 tháng nên nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả kể từ ngày 01/10/2022 đến ngày xét xử (làm tròn 09 tháng) bằng số tiền $100.000.000\text{đồng} \times 0.83\%/tháng \times 09\text{ tháng} = 7.470.000\text{đồng}$ là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3.3] Như vậy, tổng số tiền bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là: Tiền nợ vốn là 100.000.000đồng + lãi là 7.470.000đồng = 107.470.000đồng.

[4] Về trách nhiệm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu ông T, bà L cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án bà L trình bày giao dịch vay tiền do bà trực tiếp thực hiện, S dụng nguồn tiền để sản xuất kinh doanh, phục vụ gia đình do đó bà L cùng có trách nhiệm thanh toán số nợ trên với ông T là phù hợp.

[5 Về thời gian thanh toán, bị đơn có ý kiến yêu cầu được trả dần hàng tháng cho đến khi xong khoản nợ nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T, bà L phải chịu án phí theo quy định trên số tiền buộc phải thanh toán cho nguyên đơn. Nguyên đơn là ông Phạm Văn S là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn dự nộp án phí và miễn án phí nên không đặt ra việc hoàn lại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và S dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành S. Buộc ông Hà Văn T, bà Phan Thị L thanh toán cho ông Phạm Thành S tổng số tiền là 107.470.000đồng (*Một trăm lẻ bảy triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Phạm Thành S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hà Văn T, bà Phan Thị L không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Hà Văn T, bà Phan Thị L phải nộp là 5.374.000đồng (chưa nộp). Ông Phạm Thành S được miễn dự nộp án phí và tạm ứng án phí nên không đặt ra việc hoàn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông S, bà X được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T, bà L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thùy Nhiêu